

TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở NAM BỘ

Lê Thị Sơn

Trường Đại học Tiền Giang
Email: lethison@tgu.edu.vn

Article history

Received: 05/02/2024

Accepted: 28/02/2024

Published: 20/4/2024

Keywords

Southern region, Vietnamese community, ancestor worship, beliefs

ABSTRACT

Ancestor worship is a type of folk belief that has a profound influence on the minds of Vietnamese people. Learning about the ancestor worship beliefs of the Vietnamese community in the South contributes to a deeper understanding of the cultural and spiritual life as well as of the worldview and outlook on life of the local Vietnamese people. In this article, the author clarifies some issues about the philosophy of life in the ancestor worship beliefs of Vietnamese people in the South: expressing human ethics; a sense of remembrance of roots and a beautiful trait in community cultural activities. This is the age-old morality of the Vietnamese people who always honor their national roots, as in an old Vietnamese saying “drinking water, remember its source”.

1. Mở đầu

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, đặc biệt là các nhà văn hóa học. Bởi vì đây là một loại hình tín ngưỡng dân gian từ lâu đã thấm đượm và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của mọi người dân Việt. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ chứa đựng những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà còn thể hiện quan niệm của người Việt về thế giới và nhân sinh.

Nam Bộ là cái nôi của văn hóa phương Nam, có nền văn minh nông nghiệp lúa nước và nền văn hóa Óc Eo phát triển rực rỡ. Nơi đây, tuy là vùng đất mới của người Việt ở Nam Bộ nhưng tín ngưỡng thờ cúng đã được thể hiện đậm nét, mang những đặc trưng tiêu biểu nhất của người Việt mang theo từ khi vào Nam mở đất. Nó không những chỉ là một cách lý giải về vũ trụ, thế giới, về các hiện tượng tự nhiên và xã hội trong cuộc sống của con người mà còn là một triết lý sống, một phong cách ứng xử đặc biệt của con người, thể hiện đạo lý làm người, một nét đẹp văn hóa trong cuộc sống của mỗi con người Việt Nam nói chung, của người Việt ở Nam Bộ nói riêng. Được hình thành từ xa xưa, trong quá trình tồn tại, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đan xen, dung hợp với các hình thái tín ngưỡng tôn giáo khác, lắng đọng, thâm thấu vào cuộc sống, trở thành đạo lý làm người - đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt nói chung, của người Việt ở Nam Bộ nói riêng.

Bài báo trình bày một số vấn đề về triết lý nhân sinh trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ trong đạo lý làm người, ý thức tưởng nhớ về cội nguồn và thể hiện nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

“Triết lý” là hệ thống tư tưởng của con người nghiên cứu về các hiện tượng trong đời sống của con người và vũ trụ mà con người đang sinh sống. Triết lý được đúc kết một cách ngắn gọn như một nền tảng cốt lõi, cơ bản trên cơ sở nhìn nhận những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống. Triết lý có vai trò như kim chỉ nam cho lối sống, phương hướng hành động của một con người. *Nhân sinh* là từ Hán - Việt, trong đó: *nhân* có nghĩa là con người, còn *sinh* có nghĩa là sự sống, cuộc sống. Vì vậy, *nhân sinh* chính là sự sống hay cuộc sống của con người. Từ đó, chúng ta có thể hiểu *triết lý nhân sinh* là hệ thống những tư tưởng, quan niệm của con người về cuộc sống, số phận của con người, về các giá trị của con người trong cuộc đời (Nguyễn Thị Ngọc, 2018).

“Tín ngưỡng” là một hiện tượng lịch sử thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội. Đó là một bộ phận của ý thức xã hội, phản ánh những điều kiện KT-XH hiện tồn, biểu hiện niềm tin của con người vào các đấng siêu nhiên thông qua những lễ nghi thờ cúng nhằm cầu mong sự chở che, giúp đỡ (Lê Thị Sơn, 2018). Tín ngưỡng của người Việt phản ánh khá rõ nét những đặc trưng của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, thể hiện ở các mặt: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái nhân thần, lưu truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác nên tín ngưỡng của người Việt chỉ tồn tại dưới hình thức niềm tin mà chưa chuyển thành tôn giáo.

“*Tổ tiên*” là khái niệm dùng để chỉ những người có cùng huyết thống nhưng đã mất như cụ kỵ, ông bà, cha mẹ, ... những người có công sinh thành và nuôi dưỡng, những người anh, em đã mất có ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần của thế hệ những người đang sống (Đỗ Thị Hòa Hới, 2022). Trong quá trình phát triển của lịch sử, khái niệm “*tổ tiên*” cũng có sự biến đổi và phát triển. *Tổ tiên* không bị bó hẹp trong phạm vi huyết thống - gia đình, tộc họ... mà được mở rộng ra trong phạm vi cộng đồng, xã hội. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia, dân tộc thường gắn liền với tên tuổi của người có công tạo dựng, giữ gìn cuộc sống như vua Hùng, Phùng Hưng, Trần Quốc Tuấn... hay là những người có công truyền nghề, tạo dựng cuộc sống hiện đại cho con cháu, được tôn thành các “*tổ sư*”, “*nghệ tổ*”... Khi còn sống, họ được các thành viên đề cao, tôn kính. Khi mất, họ được tưởng nhớ, tôn thờ, hoặc các *tổ tiên* siêu nhiên như Thành hoàng làng cũng được xem như là ông *Tổ* của cộng đồng làng xã.

Thờ cúng là yếu tố mang tính thực hành lễ nghi, là sự thực hành một loạt động tác (khấn, vái, quỳ, lạy...) của người gia trưởng tộc trưởng là các hậu sinh, hậu thế. Đó là chuỗi hoạt động dưới dạng hành lễ và được các gia tộc, cộng đồng, quốc gia quy định bởi quan niệm, phong tục, tập quán của mỗi loại nhóm chủ thể cộng đồng, dân tộc trong các thời kì (Đỗ Thị Hòa Hới, 2022). “*Thờ*” là yếu tố thuộc ý thức về *tổ tiên*, là tâm linh tình cảm của con cháu hướng về cội nguồn, thể hiện lòng thành kính, biết ơn, tưởng nhớ *tổ tiên* đồng thời cũng là sự thể hiện niềm tin vào sự che chở, bảo hộ, trợ giúp của *tổ tiên*. Cơ sở của sự hình thành ý thức về *tổ tiên* là niềm tin về linh hồn bất tử, *tổ tiên* tuy đã chết nhưng linh hồn vẫn còn sống và thường lui tới gia đình ngự trên bàn thờ. Biểu tượng về *tổ tiên* là những hình ảnh đẹp mà con cháu gán cho *tổ tiên*. Nơi thờ *tổ tiên* thường có tượng, ảnh được trang trí, xếp đặt một cách cầu kì và trang trọng. “*Cúng*” là yếu tố mang tính lễ nghi, là hoạt động dưới dạng hành lễ được quy định do quan niệm, phong tục, tập quán của mỗi cộng đồng, dân tộc. Nghi lễ *cúng* thường được thực hiện bởi người con trai trưởng (ở miền Bắc và Trung Bộ) hoặc người con út trong gia đình (ở Nam Bộ), dòng họ với các động tác dâng lễ vật, khấn, lễ trong không gian thờ *cúng* như bàn thờ tại nhà, đình, miếu, mộ mả...

“*Thờ*” và “*cúng*” là hai yếu tố tác động qua lại, thống nhất với nhau trong tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên*. Sự “*thờ*”, “*tôn thờ*” chính là nội dung, còn hoạt động “*cúng*” là hình thức biểu đạt của nội dung thờ *cúng*. Ý thức *tôn thờ* thành kính, biết ơn, tưởng nhớ, hi vọng được trợ giúp, tránh sự trừng phạt của *tổ tiên* là nội dung cốt lõi của tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên*. Nếu không có “*thờ*” mà chỉ có “*cúng*” thì tự bản thân tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên* không có “*hồn thiêng*”, không có sức hấp dẫn nội tại và dễ trở thành nhạt nhẽo, vô vị. “*Cúng*” tuy chỉ là hình thức biểu đạt nhưng nó tôn về linh thiêng, huyền bí, mờ ảo tạo nên sức hấp dẫn, nó chính là hương vị, màu sắc thỏa mãn niềm tin tôn giáo, đáp ứng nhu cầu của chủ thể thờ *cúng*. Hình thức thờ *cúng tổ tiên* lúc đầu thể hiện ý thức về *tổ tiên*, về sau trở thành tập tục, truyền thống mang bản sắc văn hóa được truyền nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Yếu tố ý thức, tư tưởng, tình cảm trong thờ *tổ tiên* được kết lắng trong nghi lễ thờ *cúng*, nhiều khi không thể tách bạch rõ ràng; còn yếu tố nghi lễ thờ *cúng* là phương tiện chuyển tải ý thức, tư tưởng, tình cảm đối với *tổ tiên* (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2020).

Từ sự phân tích trên, tác giả đồng ý với quan điểm của Trần Đăng Sinh (2002) về tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên* như sau: Tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên* là một bộ phận của ý thức xã hội, là một loại hình tín ngưỡng dân gian được hình thành từ thời nguyên thủy với niềm tin thiêng liêng rằng, *tổ tiên* đã chết sẽ che chở, phù giúp con cháu, được thể hiện thông qua lễ nghi thờ phụng. Nó là sự phản ánh hoang đường quyền hành của người đứng đầu thị tộc phụ hệ, gia đình phụ quyền được duy trì và phát triển trong xã hội có giai cấp sau này, là sự biết ơn, tưởng nhớ và *tôn thờ* những người có công sinh thành, tạo dựng, bảo vệ cuộc sống như cụ, ông, bà, cha, mẹ, *tổ sư*, *tổ nghề*, Thành hoàng làng, *tổ nước*.

Nam Bộ là cái nôi của văn hóa phương Nam, với nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Việc di dân của một bộ phận người Việt đến vùng đất Nam Bộ để mở đất khai hoang, lập nghiệp vào khoảng thế kỉ XVII đã tạo nên những nét chung cũng như một số đặc thù riêng trong tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên* của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ: mang tính đơn giản, phổ biến, gắn gũi với đời thường; mang đậm yếu tố tâm linh hơn ý nghĩa triết lí; mang tính tự nguyện, tự phát, ít mang tính xã hội; chịu ảnh hưởng văn hóa, tín ngưỡng của các dân tộc cộng cư và là cơ sở nghi lễ thờ *cúng* của các đạo địa phương ở Nam Bộ (Lê Thị Sơn, 2015). Như vậy, có thể hiểu, tín ngưỡng thờ *cúng tổ tiên* của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ là một loại hình tín ngưỡng dân gian, gắn liền với tập tục văn hóa, đạo đức của cộng đồng này trên cơ sở niềm tin về việc *tổ tiên* đã chết sẽ che chở, phù hộ độ trì, giúp đỡ cho con cháu và được thể hiện thông qua nghi lễ thờ *cúng* theo quan niệm, phong tục, tập quán của cộng đồng.

2.2. Một số vấn đề về triết lí nhân sinh trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ

Vào khoảng đầu thế kỉ XVII, nhiều đoàn lưu dân người Việt đã tìm đến vùng đất Nam Bộ để mở đất khai hoang, lập nghiệp. Họ là những người nông dân, thợ thủ công nghèo đói, bị áp bức bóc lột bởi chế độ phong kiến đương thời phải lìa bỏ quê hương tìm đất mưu sinh. Đa phần người di dân là người ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

di cư vào Nam bằng đường biển. Hành trang vật chất của họ khá đơn giản: cuốc, rựa, một vài món vũ khí, một ít lương thực và đồ dùng, thậm chí có người chỉ có hai bàn tay trắng. Trong tình cảnh đó, “hành trang tinh thần” của họ là đạo lí làm người, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, vốn kinh nghiệm và lòng quyết tâm đương đầu với khó khăn để ra sức cải tạo thiên nhiên, tạo dựng cuộc sống mới trong khung cảnh mênh mông của miền đất hoang vu, cây cỏ mọc thành rừng rậm là nơi trú chân của chim chóc, muông thú.

Các làng xóm nơi đất mới trong thời kì đầu hình thành một cách tự phát, dựa vào tinh thần tương thân tương trợ là chính, không bị chi phối, ràng buộc với những quy chế nghiêm ngặt của lệ làng, hương ước phức tạp như ở miền Bắc và Trung Bộ. Sớm áp thuở ban đầu dễ hợp cũng dễ tan, những con người từ tứ phương di chuyển đến, tụ họp nhau thành ấp, rồi cũng có thể dễ dàng di chuyển đi nơi khác nếu họ thấy nơi đó thuận lợi cho cuộc sống. Những thay đổi này dẫn theo các cuộc khai phá đã làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên và đời sống xã hội và đời sống văn hóa - trong đó có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Từ các yếu tố môi trường tự nhiên phóng khoáng và quá ưu đãi đã từng bước tạo cho cư dân Nam Bộ một tâm thức, một cảnh quan mới về đời sống tinh thần. Do đó, triết lí nhân sinh về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ cũng được hình thành và phát triển bên cạnh niềm tin chính thống được họ mang theo từ quê cũ và để gửi gắm những niềm tin, công ơn tiền nhân, ông bà, cha mẹ - những người đi trước, việc thờ cúng ông bà, tổ tiên cũng hình thành mang sắc thái địa phương và tính giao thoa cộng đồng với các dân tộc khác cũng từng bước hình thành. Bởi vì theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, xét đến cùng, ý thức xã hội bao giờ cũng được quyết định bởi tồn tại xã hội, sự thay đổi của đời sống tinh thần được khởi nguồn từ sự thay đổi của đời sống vật chất (Lê Thị Sơn, 2018)

2.2.1. Thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ thể hiện đạo lí làm người

Từ xưa, người Việt luôn tôn trọng nền luân lí dựa trên căn bản đạo đức là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Nhân dân ta đặc biệt coi trọng chữ “đức”. “Đức” còn có đức nhân, đức nghĩa và đặc biệt là đức lễ. Biết giữ lễ nghĩa là biết đối xử với người như người đối xử với mình; chịu ơn người phải biết nhớ ơn, được người giúp đỡ phải biết báo đền lại... Tất cả những điều đó đã in đậm vào trong tiềm thức của mỗi người Việt nói chung, của người Việt ở Nam Bộ nói riêng, đặc biệt là việc yêu thương, kính trọng, biết ơn cha mẹ, ông bà, hiếu kính với tổ tiên - nguồn gốc của mình: *Một lòng thờ mẹ kính cha/Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con; Tổ tiên con ráng phụng thờ/Mấy lời mẹ bảo ngày giờ chớ quên!* Thờ cúng tổ tiên, đối với cộng đồng người Việt nói chung, cộng đồng người Việt ở Nam Bộ nói riêng vừa là đạo lí, vừa là tín ngưỡng. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ rất giản dị: tin rằng tổ tiên mình là thiêng liêng, họ đi vào cõi vĩnh hằng nhưng vẫn sống cạnh con cháu, phù hộ cho con cháu khi gặp tai ách, rủi ro; vui mừng khi con cháu gặp may mắn, khuyến khích con cháu làm điều tốt, quở trách khi con cháu làm điều xấu... Thờ cúng tổ tiên vì thế là một tín ngưỡng phù hợp với mọi người. Ở đó không có thiên đàng hay địa ngục, không có những ân thưởng siêu việt, cũng không có những trừng phạt ghê gớm. Tín ngưỡng này nhẹ nhàng trong tâm hồn con người, nhưng không phải vì thế không đủ độ sâu lắng. Người Việt ở Nam Bộ dù đi đâu, ở đâu vẫn hướng về quê cha đất tổ, nơi có bàn thờ tổ tiên, nơi có mồ mà cha ông mình... và mặc dù có sự pha trộn về tôn giáo, nghi lễ về tín ngưỡng khác nhau nhưng cộng đồng người Việt ở Nam Bộ vẫn luôn lấy việc thờ cúng tổ tiên làm trọng.

Mục đích của việc thờ cúng tổ tiên chỉ xuất phát từ việc tin vào sự tin linh thiêng của tiên mình mà còn có một ý nghĩa sâu xa hơn là nhớ ơn sinh thành của tổ tiên. Chính vì thế, người ta đã đưa ra một số quy định về việc thờ cúng cũng như cách thức thờ cúng, nghi lễ thờ cúng và tế tự... để thể hiện lòng hiếu thảo của mình đối với ông bà tổ tiên (Mai Thanh Hải, 2005).

Đối với cộng đồng người Việt ở Nam Bộ, mỗi gia đình thường trích trong di sản một phần thừa kế gọi là “phần hương hỏa” giao cho người con trai út trông giữ để chăm lo việc thờ cúng tổ tiên và ông bà, cha mẹ đã khuất (khác với ở miền Bắc và Trung Bộ là con trai trưởng). Người dân Bắc bộ thường có một quyển sổ ghi chép thế thứ và tên họ cùng ngày tháng sinh tử của tổ tiên gọi là gia phả. Tuy nhiên, cộng đồng người Việt ở Nam Bộ thì không chú ý hay quan tâm đến điều này như ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Thay vào đó trong các đám cưới, đám giỗ thì cộng đồng người Việt ở Nam Bộ có để riêng ra một ngày đầu tiên, gọi là ngày “nhóm họ”, mục đích để tập hợp những người thân thuộc lại với nhau. Ngoài ra, sự hiếu thảo, biết ơn ông bà cha mẹ của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ được mở rộng ra ở xóm ấp, làng xã. Điểm khác biệt đáng chú ý là hầu như ngôi đình nào của người Việt ở Nam Bộ cũng đặt bàn thờ Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ rất trang trọng. Ở đây, Tiên hiền khai khẩn là trước hết biết ơn ông bà, những người có công vỡ hoang khai khẩn trên mảnh đất này. Hậu hiền khai cơ là sau đó biết ơn ông bà, cha mẹ, những người đã mở ra cơ nghiệp để lại cho con cháu. Lễ hội đình làng Nam Bộ hằng năm có riêng văn tế bàn thờ tiên hiền và hậu hiền.

Ngoài việc thờ phụng, cúng lễ tổ tiên, một trong những hình thức thể hiện sự hiếu thảo, biết ơn ông bà, cha mẹ, tổ tiên của mình đó là săn sóc phần mộ tổ tiên. Hằng năm, trước ngày Tết, con cháu thường đến thắp hương trên mộ tổ tiên khấn vái mời tổ tiên về ăn Tết. Ngày thanh minh, con cháu cũng đi tảo mộ, sửa sang phần mộ tổ tiên, mang theo bàn hương cắm đốt trước mộ.

Như vậy, người Việt, đặc biệt là người Việt ở Nam Bộ, việc thờ cúng tổ tiên chính là vì đạo hiếu và vì sự biết ơn các bậc đã sinh ra và nuôi nấng mình. Đạo lí làm người có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong các nguyên tắc ứng xử của người Việt, thể hiện triết lí nhân sinh vừa dung dị, vừa mang tính thực tiễn, tính phổ quát, vừa sâu sắc. Phụng dưỡng ông bà, cha mẹ lúc sống, thờ phụng khi chết không chỉ là tín ngưỡng mà còn là lễ sống, được hình thành, bồi đắp qua bao thế hệ và trở thành mỹ tục, thuần phong, ăn sâu vào trong tiềm thức của mỗi con người. Từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thờ phụng là cả một quá trình. Triết lí nhân sinh trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở Nam Bộ được thể hiện sinh động qua hệ thống nghi lễ và nội dung thờ cúng tổ tiên ở cộng đồng gia đình, họ tộc, làng và nước. Đó là ý thức tưởng nhớ về cội nguồn (Nguyễn Đức Lữ, 2007).

2.2.2. Thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ thể hiện ý thức tưởng nhớ về cội nguồn

Việc thờ cúng, lập bàn thờ tổ tiên để giữ lấy “đức nghĩa” của đạo làm người được các thế hệ người Việt đặc biệt coi trọng. Vì thế, khi cha mẹ qua đời, con cháu phải lo tang ma chu đáo và thờ cúng theo tục lệ truyền thống. Đó là một điều “lễ” theo lẽ trời, một phép tắc của người.

Ở người Việt, có một nét đặc thù về sự thờ cúng tổ tiên: tổ tiên gia đình và tổ tiên cả nước gắn chặt với nhau trong tưởng niệm và thờ cúng. Trong ý thức người Việt, thờ cúng tổ tiên cả nước - các vua Hùng đã khắc sâu hàng nghìn năm, tạo thành một thể song hành với thờ cúng tổ tiên của từng gia tộc, từng gia đình, gần như không tách rời nhau. Việc thờ cúng tổ tiên của người Việt được “cố định” ở một chiều sâu tiềm thức không phai nhạt. Người ta khẳng định con người cá nhân không hề đoạn tuyệt với “dòng giống”, dù là trên phạm vi cả dân tộc hay ở phạm vi gia đình. Với sự thờ cúng tổ tiên, bằng những câu tục ngữ “uống nước nhớ nguồn”, “chim có tổ, người có tông” đã nói lên ý thức và tiềm thức dân gian hết sức bền vững và được nâng thành những nghi thức, những tập tục, những khuôn mẫu truyền từ đời này sang đời khác, thành một thứ gien văn hóa tinh thần.

Lòng hiếu nghĩa sâu nặng của người dân Nam Bộ bắt nguồn từ lòng biết ơn ông bà tổ tiên đã gian khổ, dày công khai phá mảnh đất mới màu mỡ để lưu lại cho con cháu. Uống nước nhớ nguồn, nhớ công lao tổ tiên, ông bà trong gia đình, những người có công khai hoang lập làng, chiến đấu chống thiên tai, thú dữ, bệnh tật, chống quân xâm lược, cướp nước, giữ yên bờ cõi xóm làng... là truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Truyền thống đó được phát huy mạnh mẽ, đa dạng ở Nam Bộ. Trong gia đình đều có bàn thờ tổ tiên, ông bà, riêng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi chịu nhiều ảnh hưởng giáo lí Tứ Ân của Bửu Sơn Kỳ Hương, bàn thờ này thường được gọi là bàn thờ Cửu huyền Thất tổ. Người dân ở đây chẳng những thần hóa những vị có công trong cuộc khai hoang, chiến đấu bảo vệ quê hương mới mà còn mang những vị có công ở quê cũ vào thờ phụng. Hầu như khắp thôn ấp làng xã ở Nam Bộ đều có đình, miếu hoặc đền thờ, thờ những vị này với quy mô khác nhau, tùy theo công đức của vị đó và tình hình kinh tế của dân làng. Ngày nay, gần như mỗi tỉnh đều có một, hai nhân vật lịch sử tiêu biểu được nhân dân thần hóa đưa vào thờ phụng. Đồng Nai, Biên Hòa có Nguyễn Hữu Cảnh; Long An, Rạch Giá có Nguyễn Trung Trực; Bến Tre có Nguyễn Đình Chiểu; Tiền Giang, Gò Công có Nguyễn Hữu Huân, Trương Định; Đồng Tháp có Võ Duy Dương; An Giang có Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Văn Thoại; Cần Thơ có Bùi Hữu Nghĩa... (Nguyễn Hữu Hiếu, 2004).

Đến những nơi thờ tự như vậy, trước hết là biểu hiện của một tập tục văn hóa truyền thống, là thể hiện sự tôn trọng, tôn sùng, nhớ ơn của các vị tiền nhân đã có công với cộng đồng làng xã, dân tộc trong lịch sử. Đó cũng là thể hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn” của người Việt nói chung, của người Việt ở Nam Bộ nói riêng: trong dòng họ gia đình thì công ơn tiên tổ, trong làng xã thì có Thành hoàng... là những bậc đã có công khai phá, lập làng, đánh giặc, cứu nạn trừ tai.

Hệ thống đền, đình, miếu đó, thời nào, chế độ nào cũng đều được công nhận và tôn vinh, chứng tỏ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở nước ta là một sự thống nhất đến hài hòa từ Nhà đến Nước. Tập tục đó không những được duy trì mà còn được bồi đắp qua các đời, như một thuần phong mỹ tục, như một thứ luật lệ bất thành văn của dân tộc (Nguyễn Đăng Duy, 1997).

Ngoài các ngày húy kỵ, lễ hội thì mỗi dịp đón xuân, từ gia đình đến các đền, miếu đều đem lễ vật kính dâng lên tổ tiên cũng như các vị thần linh để tỏ lòng nhớ ơn sâu sắc. Và cũng nhân dịp ấy, con cháu thành kính dâng lên ông bà tổ tiên những vật phẩm tự mình làm ra hoặc sắm sanh các quả ngon, vật lạ để dâng cúng và đĩnh ninh rằng cha mẹ, ông bà, tổ tiên của mình luôn có mặt để chia sẻ niềm vui, nỗi buồn và độ trì cho con cháu. Và cũng không phải

vô có mà một tôn giáo ra đời ở Nam Bộ vào năm 1849, đó là Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, sau đó là đạo Hòa Hảo (1940) có hàng triệu tín đồ tin theo, nửa phần tín lí của các đạo này nói về “Tứ Ân Hiếu Nghĩa” (bốn điều nhân nghĩa); trong đó, ân cha mẹ tổ tiên được đưa lên hàng đầu, thứ hai là ân quê hương đất nước, thực chất cũng vẫn là nhớ về cội nguồn, về cha mẹ tổ tiên đã khai phá, xây dựng lên quê hương đất nước này, thứ ba là biết ơn đồng bào nhân loại, vẫn là nói về ân nghĩa giữa những con người đang sống bên nhau, và cuối cùng mới đến ân tam bảo nhà Phật. Đồng thời, trong tám điều Nhân mà đạo này đã nêu lên, có một điều Nhân phụ mẫu, giữ đức hiếu thảo với cha mẹ (Nguyễn Đức Lữ, 2007).

Như vậy, thờ cúng tổ tiên đó là đạo lí “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta. Ngày nay, qua hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, cả nước đã tu sửa đền hàng vạn nghĩa trang liệt sĩ, có nơi còn dựng cả đền thờ liệt sĩ, và hiện vẫn còn đang dò tìm hài cốt, xây cất nghĩa trang, phong tặng Mẹ Việt Nam anh hùng, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ... Đó cũng chính là đạo lí “uống nước nhớ nguồn” được tiếp nối từ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

2.2.3. Thờ cúng tổ tiên thể hiện nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng - văn hóa tâm linh của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ

Lễ hội là nét đẹp trong đời sống văn hóa bao đời nay của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước vùng đồng bằng Nam Bộ. Nơi đó chứa đựng những giá trị tinh thần quý báu, là nơi dung dưỡng, đề cao tinh thần cộng đồng, thể hiện khát vọng về phong đăng, hòa cốc, mùa màng tốt tươi, cuộc sống no đủ... là những khát vọng lương thiện, chân thành, vốn là mục đích muôn đời của con người. Đó thực chất là những tư tưởng thâm đượm tính nhân văn. Hoạt động thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ không chỉ dừng lại ở gia đình, họ tộc, làng xã mà còn ở cấp độ lớn hơn, đó là nước, cộng đồng mang tính quốc gia, dân tộc.

Lễ hội của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ ra đời, phát triển cùng với tiến trình người Việt khai phá vùng đất này trong hơn 30 thập kỉ qua. Dấu ấn này của lịch sử sẽ tác động đến lễ hội của người Việt nơi vùng đất mới. Một sự thật, sinh sống ở nơi đất mới, người Việt ở Nam Bộ trước sau vẫn là những người nông dân. Dù điều kiện thiên nhiên, lịch sử, xã hội có khác nhau nhưng phương thức canh tác chính của họ vẫn là trồng lúa nước. Vì vậy, vòng quay tuần tự của thiên nhiên và mùa vụ vẫn tạo ra trong tâm linh con người những nhu cầu tín ngưỡng, lễ hội. Và lại, lễ hội vốn dĩ gắn bó với người nông dân như bóng với hình trong suốt một thời kì dài của lịch sử. Với vốn văn hóa tiềm ẩn trong tâm thức như thế, gặp điều kiện thiên nhiên, lịch sử, xã hội của vùng đất mới, lễ hội của người Việt đã phát triển, góp phần làm hoàn chỉnh diện mạo văn hóa dân tộc của chính họ ở nơi đây.

Có thể thấy, lễ hội của người Việt ở Nam Bộ là sự tiếp tục dòng chảy lễ hội từ Bắc vào Nam. Người ta vẫn gặp trong lễ hội dân tộc dân gian ở đây những nét quen thuộc của văn hóa Việt. Tuy nhiên, tiến trình phát triển lễ hội dân gian, một sinh hoạt văn hóa của người Việt ở Nam Bộ lại chịu những tác động của các điều kiện thiên nhiên, xã hội nơi này. Tiêu biểu là một số lễ hội sau đây: Lễ hội Tổng Ôn (ở Cần Thơ, Vĩnh Long, Long An, An Giang,...) được tổ chức ở những nơi thờ tự như chùa, miếu,... nhằm tống tiễn, xua đi những tà khí, dịch bệnh gây hại cho con người; Lễ hội Nghinh Ông (Bến Tre, Vũng Tàu,...) tưởng nhớ công ơn của loài cá voi - vị thần Đại tướng quân Nam Hải đã nhiều lần cứu giúp người dân vượt qua sóng to gió lớn ở ngoài biển khơi của người Việt ở Nam Bộ; Lễ hội Bà Chúa Xứ Núi Sam (An Giang) mang đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc và còn là di tích lịch sử và kiến trúc quan trọng của tỉnh và cả khu vực; Lễ Hội Kỳ Yên, còn được gọi là cúng đình. Đây là dịp để người dân họp mặt, bàn chuyện, vui chơi, cùng nhau xem lễ rước thần thắt chặt tinh cộng đồng (Lê Thị Sơn, 2018).

Lễ hội là dịp ôn lại lịch sử, bồi đắp tình cảm đối với quê hương đất nước với tổ tiên và thắt chặt tình nghĩa cộng đồng. Sự thiêng liêng không chỉ hiện hữu trong nghi thức tế lễ thần linh mà còn là cảm hứng xuyên suốt các trò chơi, điệu múa, bài ca, tiếng nhạc trong ngày hội, tạo nên chiều sâu rung cảm tâm thức. Người Việt ở Nam Bộ tham dự các trò chơi ngày hội, bảo lưu những phong tục, nghi lễ không phải chỉ là lưu giữ những trò chơi giải trí, mà còn là lưu giữ những giây phút giao cảm với sự thiêng liêng, tạo ra “chất keo” huyền diệu kết tinh các quan hệ tình cảm giữa người với người, giữa người với tổ tiên ông bà đã khuất và giữa người với thế giới tâm linh (Nguyễn Đức Lữ, 2007).

3. Kết luận

Trên cơ sở nhận thức về thế giới, vũ trụ, cộng đồng người Việt ở Nam Bộ nhận thức về mình và đề ra triết lí nhân sinh phù hợp. Sống hoà hợp với nhân sinh tự nhiên, trọng tình nghĩa trong quan hệ gia đình, xã hội, đề cao đạo hiếu trong quan hệ ứng xử, luôn tưởng nhớ về cội nguồn và duy trì nếp sinh hoạt văn hoá cộng đồng và đó cũng chính là môi trường gặp gỡ giữa thế giới hữu hình và thế giới vô hình. Hoạt động thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ là nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng theo tinh thần gạn đục khơi trong. Đó chính là những triết lí

nhân sinh ẩn chứa trong hệ thống trong nghi lễ và nội dung thờ cúng tổ tiên ở bốn cấp: gia đình - họ - làng - nước của chủ nhân nền văn minh nông nghiệp ở Nam Bộ. Trong bối cảnh xã hội ngày nay đang có những biến đổi hết sức sâu sắc về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa, hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Việt nói chung, của người Việt ở Nam Bộ nói riêng vẫn được duy trì và có những biểu hiện khá phức tạp. Vì thế, thái độ và trách nhiệm của mỗi chúng ta là gan đục, khơi trong nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của vùng Nam Bộ và của cả dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Thị Hòa Hới (2022). *Vai trò của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam hiện nay*. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, <https://frs.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/tac-gia-tac-pham/vai-tro-cua-tin-nguong-tho-cung-to-tien-o-viet-nam-hien-nay-126.html>
- Lê Thị Sơn (2015). Một số đặc trưng cơ bản của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 5(44), 100-110.
- Lê Thị Sơn (2018). *Tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở tỉnh Tiền Giang*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mai Thanh Hải (2005). *Thờ cúng tổ tiên (và lễ tang, ma chay, giỗ chạp) nên như thế nào*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn Đăng Duy (1997). *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*. NXB Hà Nội.
- Nguyễn Đức Lữ (2007). *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*. NXB Tôn giáo.
- Nguyễn Hữu Hiếu (2004). *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam Bộ*. NXB Trẻ.
- Nguyễn Phúc Nghiệp (2020). *Phác thảo diện mạo văn hóa dân gian tỉnh Tiền Giang (tập 1)*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Ngọc (2018). *Triết lý nhân sinh trong truyện cổ tích với việc giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Cộng sản. https://www.tapchicongsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi/-/2018/51267/triet-ly-nhan-sinh-trong-truyen-co-tich-voi-viec-giao-duc-the-he-tre-viet-nam-hien-nay.aspx#
- Trần Đăng Sinh (2002). *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*. NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật.